

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 07 - 7 - 2020.

V/v : Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồ.

2. Bà Nguyễn Thị Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 107 phố X, thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Tiến T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 107 phố X, thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị Q1 trình bày: chị và anh Đinh Tiến T1 đăng ký kết hôn ngày 04/01/2011 tại UBND thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không chăm lo con cái, gia đình. Thường xuyên lơ đãng, cờ bạc, đánh đập, chửi mắng, xúc phạm chị. Mặc dù đã nhiều lần

hòa giải, cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Đinh Tiến T1.

Về con chung: Chị và anh Đinh Tiến T1 có hai con chung là cháu Đinh Hoàng Quỳnh T2, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Đinh Thu T3, sinh ngày 05/12/2014. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu (Tổng là 3.000.000đ/tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con nếu chị không nuôi dưỡng được con chung. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/6/2020 và ngày 01/7/2020, chị đề nghị giao hai cháu cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh Đinh Tiến T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: chị xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Tiến T1 khai:

Về tình cảm: anh T1 xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị Q1 trình bày là đúng. Anh, chị chung sống với nhau đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên những mâu thuẫn này chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Do đó, anh đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của chị Q1.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị Q1 có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng Quỳnh T2 và cháu Đinh Thu T3. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho hai vợ chồng trở về với nhau để cùng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Nếu ly hôn thì nguyện vọng của anh sẽ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 cháu đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Q1 phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Hoàng Thị Q1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Q1 phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của các đương sự, tại phố X, thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị Hoàng Thị Q1 và anh Đinh Tiến T1 đăng ký kết hôn ngày 04/01/2011 tại UBND thị trấn Y, huyện Hải Hà. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Chị Q1 và anh T1 chung sống với nhau đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 3 năm 2020 thì mâu thuẫn giữa chị Q1, anh T1 trở lên trầm

trọng, chị Q1 đã bỏ đi từ tháng 3 năm 2020 đến nay; Về con chung: Chị Q1 và anh T1 có 02 con chung là cháu Đình Hoàng Quỳnh T2 và cháu Đình Thu T3. Cả 02 cháu đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay 02 cháu đang ở với bố là anh Đình Tiến T1 tại số nhà 107 phố X, thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q1 và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự, quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông báo thụ lý, Kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định tại các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q1 đối với anh T1. Về con chung: Giao con chung là cháu T2 và cháu T3 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 và Thảo đủ 18 tuổi. Chị Q1 không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Chị Q1 và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết. Chị Q1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị Q1 và anh Đình Tiến T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 107 phố X, thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Đồng thời đã tiến hành hòa giải để các đương sự có thể đoàn tụ với nhau nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị Q1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ 2 lần vẫn không có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Q1 và anh Đinh Tiến T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2011. Hôn nhân của anh T1, chị Q1 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Bản tự khai của chị Q1, Biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2020 đối với anh T1, Biên bản xác minh tại địa phương ngày 16/6/2020, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Q1, anh T1 phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Anh T1 đã có các hành động như gọi điện, nhắn tin chửi bới, đe dọa, xúc phạm chị Q1; đốt quần áo của chị Q1. Mâu thuẫn giữa anh T1 và chị Q1 đã kéo dài qua nhiều năm. Cụ thể, anh T1 và chị Q1 đã bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhất từ năm 2014. Tuy nhiên, từ tháng 3 năm 2020 đến nay thì mâu thuẫn giữa anh T1 và chị Q1 đã trở lên trầm trọng, chị Q1 đã bỏ nhà đi từ tháng 3 năm 2020 đến nay không về.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh T1, chị Q1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q1 đối với anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: anh T1, chị Q1 có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng Quỳnh T2, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Đinh Thu T3, sinh ngày 05/12/2014. Hiện nay hai cháu đang ở cùng bố là anh Đinh Tiến T1.

Xét thực tế, hai cháu đang do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T1 có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu; Cháu T2 muốn được ở với bố và ông, bà nội. Chị Q1 mong muốn giao 02 cháu cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao hai cháu Đinh Hoàng Quỳnh T2 và Đinh Thu T3 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, phù hợp với mong muốn của hai cháu T2 và T3 được quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Q1 không phải cấp dưỡng con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị Q1 và anh Đinh Tiến T1 không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Q1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị Q1
2. Chị Hoàng Thị Q1 được ly hôn anh Đinh Tiến T1.

3. Về con chung: Giao hai cháu Đinh Hoàng Quỳnh T2, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Đinh Thu T3, sinh ngày 05/12/2014 cho anh Đinh Tiến T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu T2 và Thảo thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị Q1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu anh T1 không nuôi dưỡng được con chung.

4. Về án phí: Chị Hoàng Q1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0006843 ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Chị Hoàng Thị Q1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồ

Nguyễn Thị Lâm

Đỗ Thị Hương Lan